

Bản án số: 46/2017/DS-ST

Ngày: 11/9/2017

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Hứng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Minh**

2/ Bà **Trần Thị Thu Vân**

- Thư ký phiên tòa: Cô **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2017 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 846/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1957 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường N, phường M, quận P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **B**, sinh năm 1956 (*Có mặt*).

Ông **C**, sinh năm 1975 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Đường Q, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2016 (nộp tạm ứng án phí ngày 21/12/2016) và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà A trình bày:

Vào ngày 08/8/2012 bà có cho bà B và con trai là ông C vay số tiền 50.000.000 đồng (lãi suất 1,5%/tháng) để nâng cấp quán cà phê (*Biên nhận ngày 24/9/2012*). Bà B và ông C hẹn hai tháng sẽ trả đủ nhưng chỉ trả được 5.000.000 đồng và sau đó không thực hiện như đã hứa. Nhiều lần bà liên hệ đòi nhưng bà B và ông C đều hứa hẹn, cam kết sẽ trả nhưng không trả tiền cho bà. Đến ngày 14/6/2015 giữa bà với bà B và ông C có lập tờ thỏa thuận và cam kết thanh lý hợp đồng. Theo đó, bà B và ông C sẽ trả cho bà mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/9/2016, không tính lãi suất. Đến nay, mặc dù đã quá thời hạn như đã cam kết nhưng bà B và ông C vẫn không trả nợ như đã cam kết nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B và

ông C trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng và lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày 01/01/2016 cho đến xét xử vụ án.

Tại bản tự khai đề ngày 20/7/2017 và quá trình giải quyết, bị đơn bà B trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông C (con bà) có mượn của bà A số tiền 50.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thể trả tiền được cho bà A.

Quá trình giải quyết vụ án, ông C vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà B thống nhất trả nợ cho nguyên đơn nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi hết nợ, đồng thời yêu cầu không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà A với bà B và ông C có thỏa thuận vay và cho vay số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, bà B và ông C không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo nguyên đơn bà A, vào ngày 08/8/2012 bà có cho bà B và ông C vay 50.000.000 đồng (lãi suất 1,5%/tháng) để nâng cấp quán cà phê (*Biên nhận ngày 24/9/2012*). Bà B và ông C hẹn hai tháng sẽ trả đủ nhưng chỉ trả được 5.000.000 đồng và sau đó không thực hiện như đã hứa. Nhiều lần bà liên hệ đòi nhưng bà B và ông C đều hứa hẹn, cam kết sẽ trả nhưng không trả tiền cho bà. Đến ngày 14/6/2015 giữa bà với bà B và ông C có lập tờ thỏa thuận và cam kết thanh lý hợp đồng. Theo đó, bà B và ông C sẽ trả cho bà mỗi tháng 5.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/01/2016 đến ngày 01/9/2016. Như vậy, xét về thời điểm yêu cầu của nguyên đơn (đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2016 – nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 19/10/2016) là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện vụ án (03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm) theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất có quan hệ vay và cho vay với nhau với số tiền là 50.000.000 đồng (đã trả được 5.000.000 đồng); 02 bên

có thiết lập “Biên nhận ngày 24/9/2012” và “Tờ thỏa thuận và cam kết thanh lý hợp đồng ngày 14/6/2015”. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, tại Tờ thỏa thuận và cam kết thanh lý hợp đồng ngày 14/6/2015 có nội dung: “*Còn lại số tiền vay được nêu tại điểm (a) mục (1): 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng), Bên B phải trả đúng, đủ cho Bên A; mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bắt đầu trả từ ngày 01/01/2016 và trả trong vòng 09 (chín) tháng liên tiếp cho xong đến ngày 01/9/2016. **Phần trả này không tính lãi suất***”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Theo Tờ thỏa thuận và cam kết thanh lý hợp đồng ngày 14/6/2015 thể hiện bị đơn bà B và ông C có nghĩa vụ trả dứt nợ đến ngày 01/9/2016. Tuy nhiên, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả tính từ ngày 02/9/2016. Do trong tờ thỏa thuận nêu trên không thể hiện mức lãi suất nên phải áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ (Khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005). Do đó, yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về thời gian trả lãi, xét tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đồng ý làm tròn thời gian tính lãi suất 12 tháng là có lợi cho bị đơn nên được HĐXX chấp nhận.

$45.000.000\text{đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 12\text{ tháng} = 4.050.000\text{ đồng}.$

[5] Về thời gian và phương thức trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn - bà B đề nghị do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu được trả cho nguyên đơn mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi dứt nợ, tuy nhiên nguyên đơn bà A không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

- Buộc bị đơn bà B và ông C trả cho nguyên đơn bà A số tiền là **49.050.000 đồng** (*Bốn mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà B và ông C phải nộp 2.452.500 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003245 ngày 21/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Minh

Trần Thị Thu Vân

Văn Hứng